

CÔNG NGHỆ 11

CÔNG NGHIỆP

Chương I

VỀ KỸ THUẬT CƠ SỞ

Bài 1

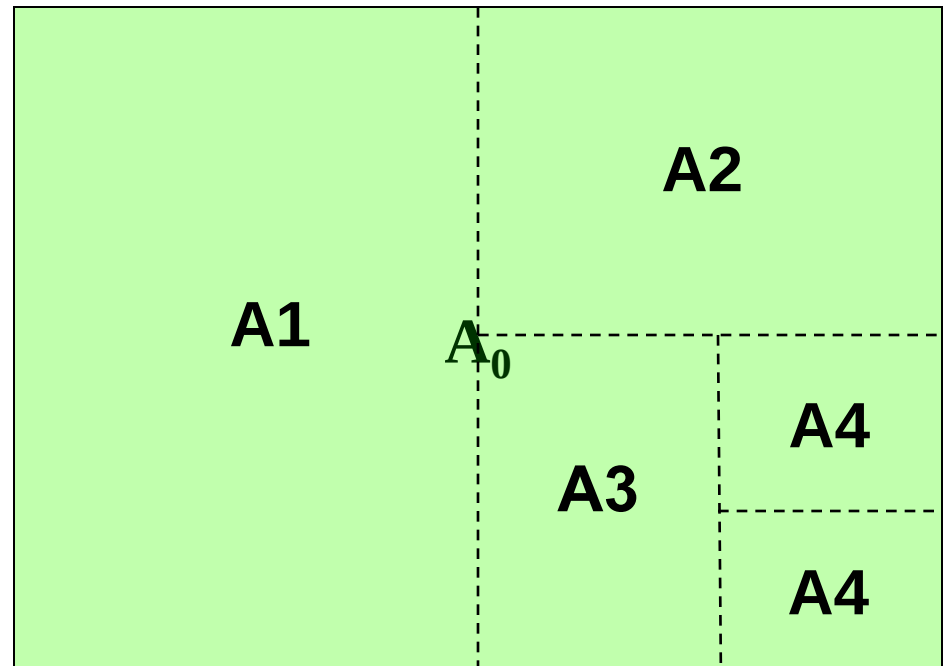
**Tiêu chuẩn trình bày
Bản vẽ kỹ thuật**

I. KHỔ GIẤY: TCVN 7285:2003(ISO 5457:1999) QUY ĐỊNH.

*** Có 5 loại khổ giấy chính:**

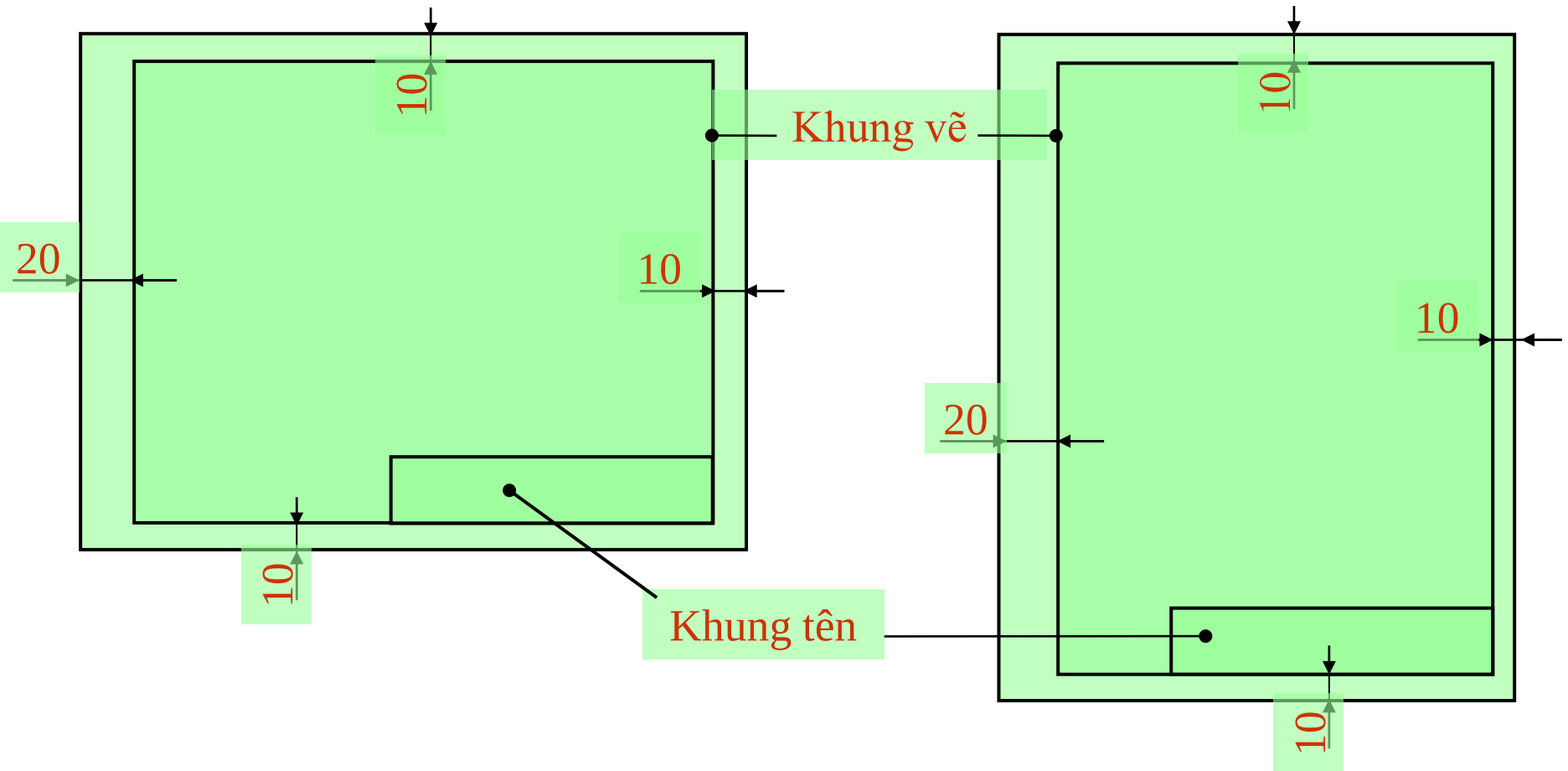
Kí hiệu	A_0	A_1	A_2	A_3	A_4
Kích thước (mm)	1189x841	841x594	594x420	420x297	297x210

*** Các khổ giấy chính được lập ra từ khổ giấy A_0 .**



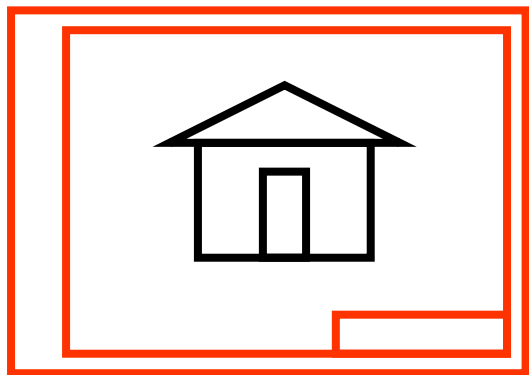
*** Mỗi bản vẽ đều có khung vẽ và khung tên.**

Khung tên được đặt ở góc phải, phía dưới bản vẽ.

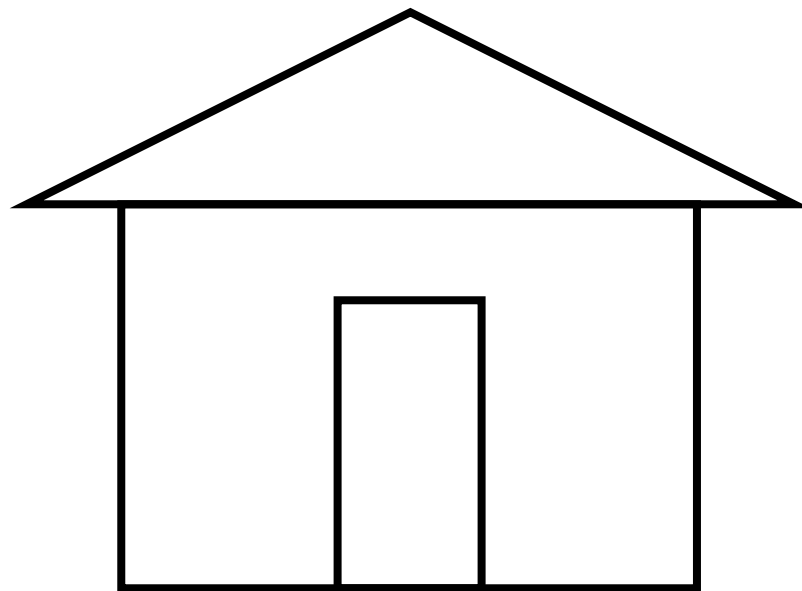


II. TỈ LỆ:

TCVN 7286:2003(ISO 5455:1971) QUY ĐỊNH.



Bản vẽ



Vật thật

$$\textbf{Tỉ lệ} = \frac{\textbf{Kt Hình}}{\textbf{Kt Vật}}$$

II. TỈ LỆ:

- Tỉ lệ là tỉ số giữa kích thước đo được trên hình biểu diễn và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

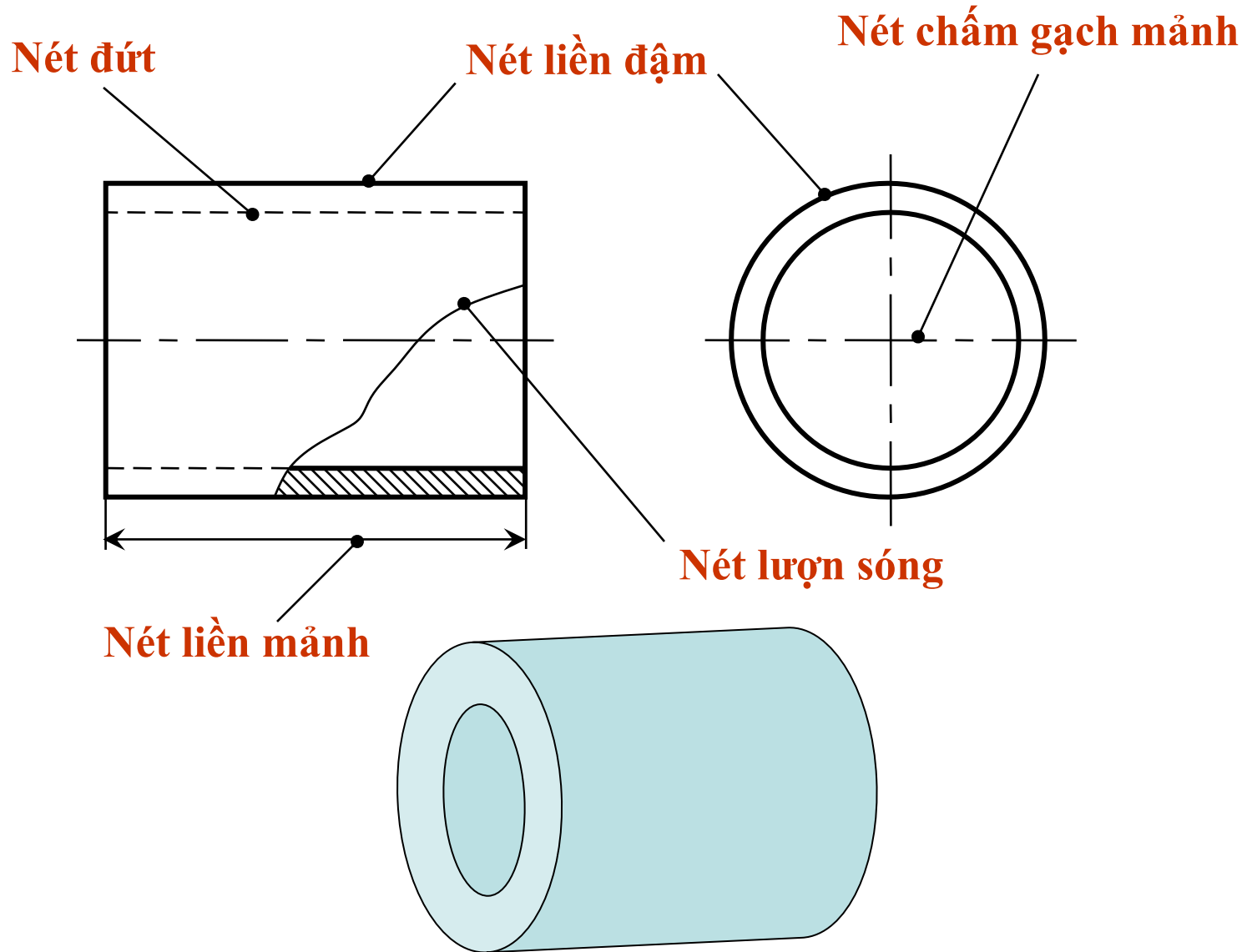
- Tỉ lệ thu nhỏ: $1 : 2$ $1 : 5$ $1 : 10$
 $1 : 20$ $1 : 50$ $1 : 100$

- Tỉ lệ nguyên hình: $1 : 1$

- Tỉ lệ phóng to: $2 : 1$ $5 : 1$ $10 : 1$
 $20 : 1$ $50 : 1$ $100 : 1$

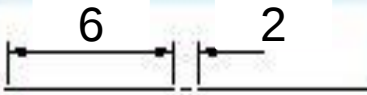
III. NÉT VẼ TCVN 8-20:2002(ISO 128:1996) QUY ĐỊNH.

1. Các loại nét vẽ:



III. NÉT VẼ

1. Các loại nét vẽ:

TT	Tên nét vẽ	Cách vẽ	Chiều rộng nét	Ứng dụng
1	Nét liền đậm		b	Đường bao thấy
2	Nét liền mảnh		b/2	Đường gióng, đường kích thước, đường gạch mặt cắt
3	Nét chấm gạch mảnh		b/2	Đường trục, đường tâm
4	Nét lượn sóng		b/2	Đường cắt lìa
5	Nét đứt		b/2	Đường bao khuất

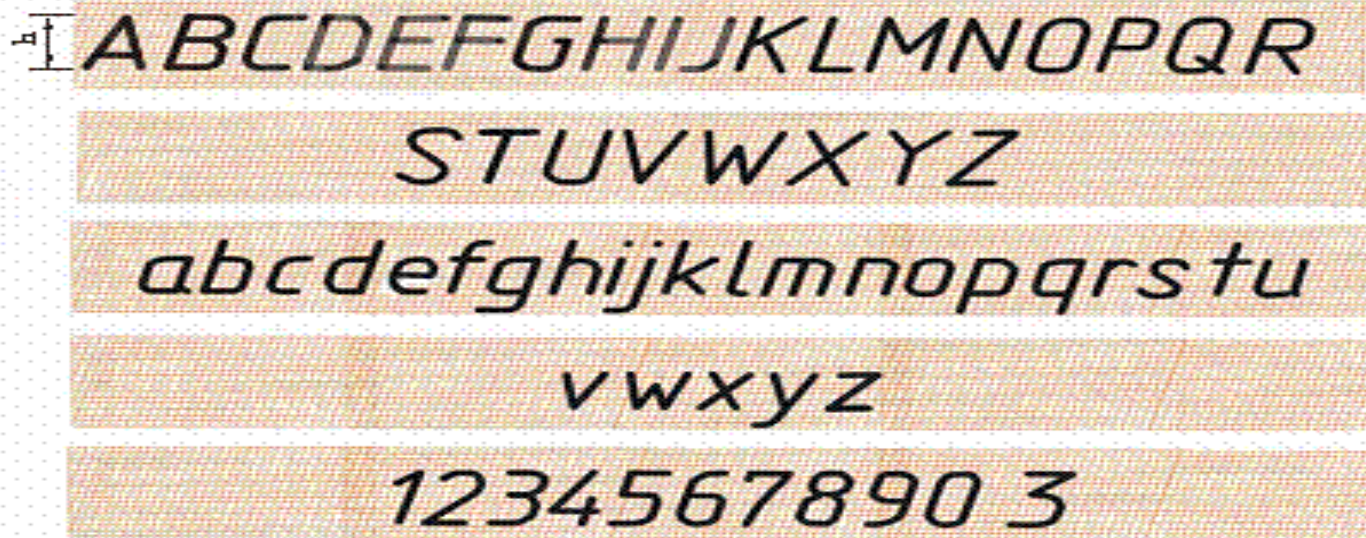
2. Chiều rộng của nét vẽ:

Thường lấy nét liền đậm là 0,5mm và các nét còn lại là 0,25mm.

IV. CHỮ VIẾT

1. Khổ chữ: TCVN 7284:2003(ISO 3092:2000) QUY ĐỊNH.

- Khổ chữ (h) được xác định bằng chiều cao chữ hoa tính bằng mm.
- Chiều rộng (d) của nét chữ thường lấy bằng $1/10 h$.



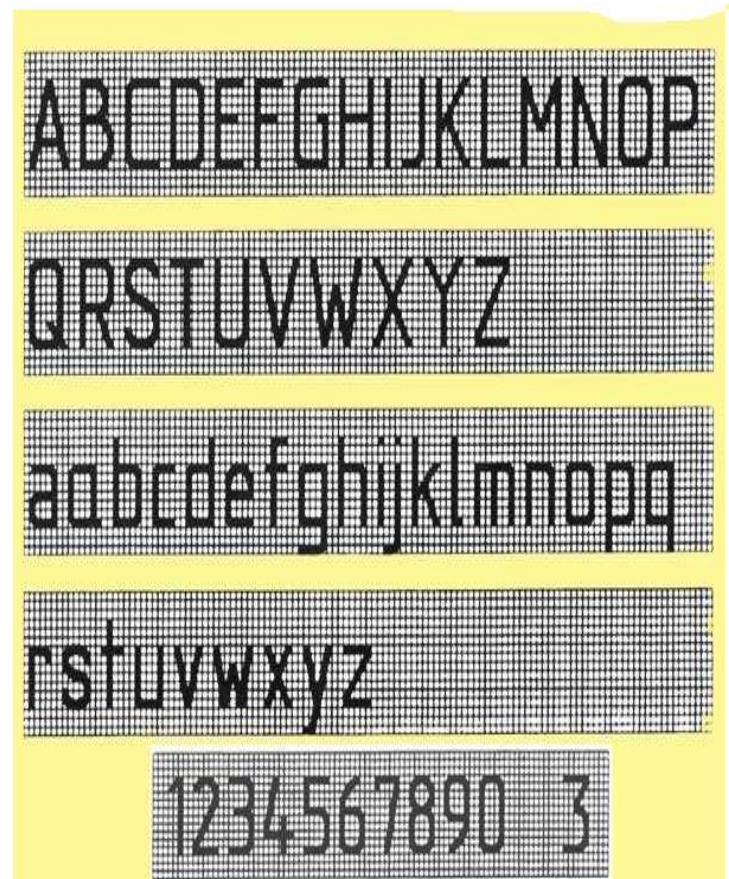
IV. CHỮ VIẾT

2. Kiểu chữ:

- Thường dùng kiểu chữ đứng hoặc nghiêng 75^0 .

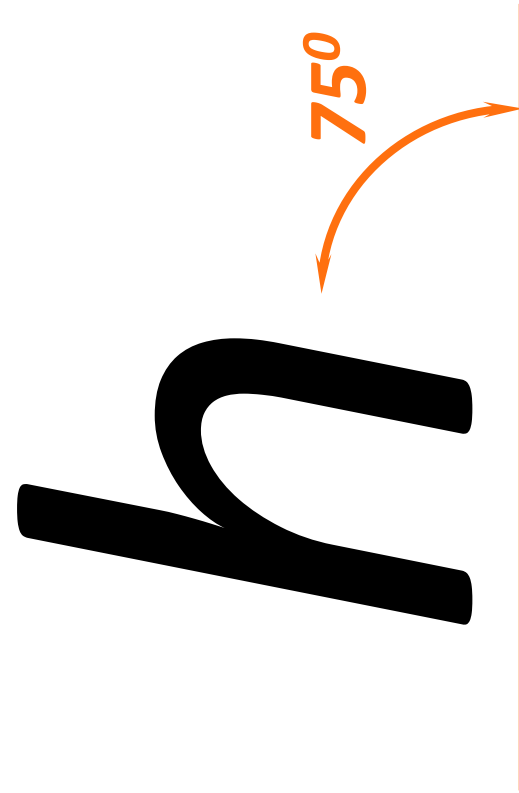


Chữ viết và số kiểu B nghiêng



Chữ viết và số kiểu B đứng

IV. CHỮ VIẾT:

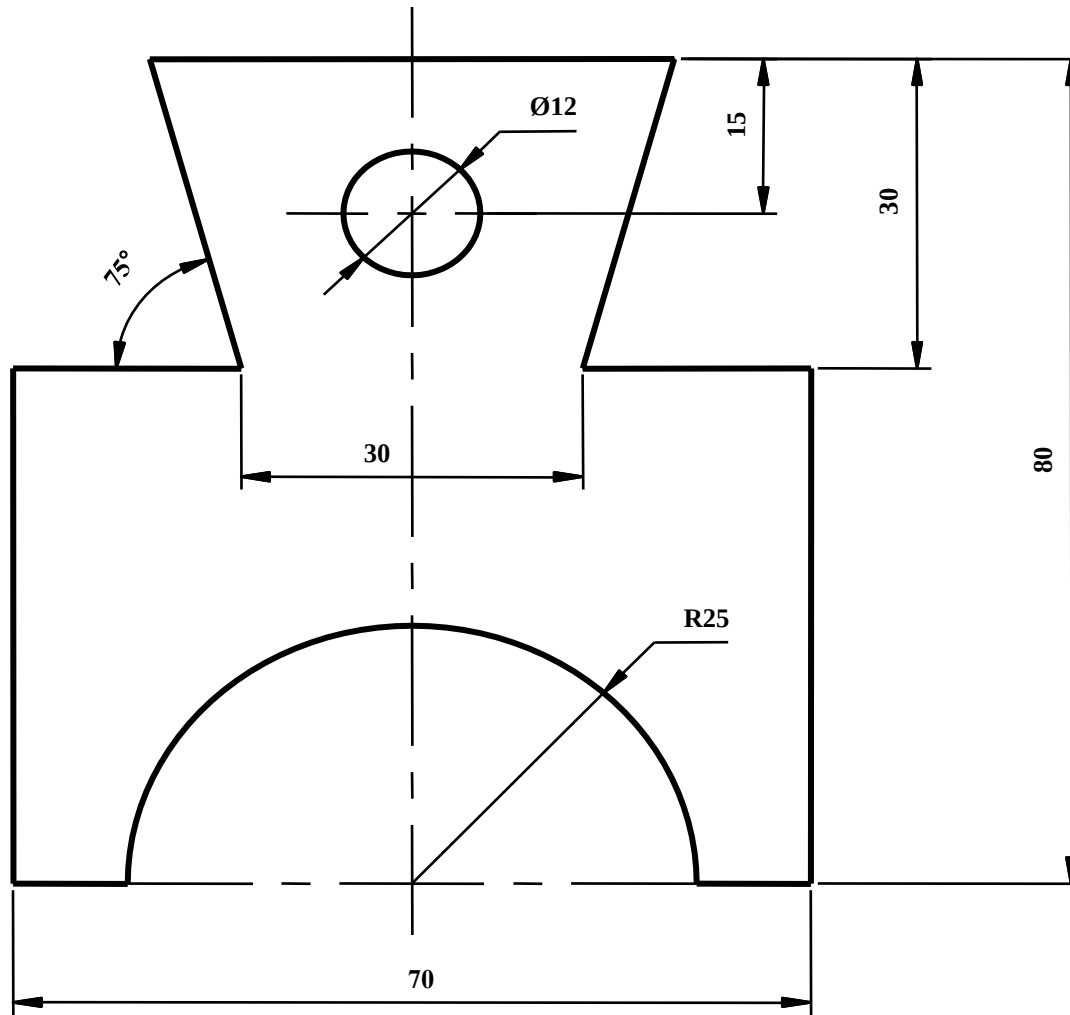


V. GHI KÍCH THƯỚC

1. Đường kích thước:

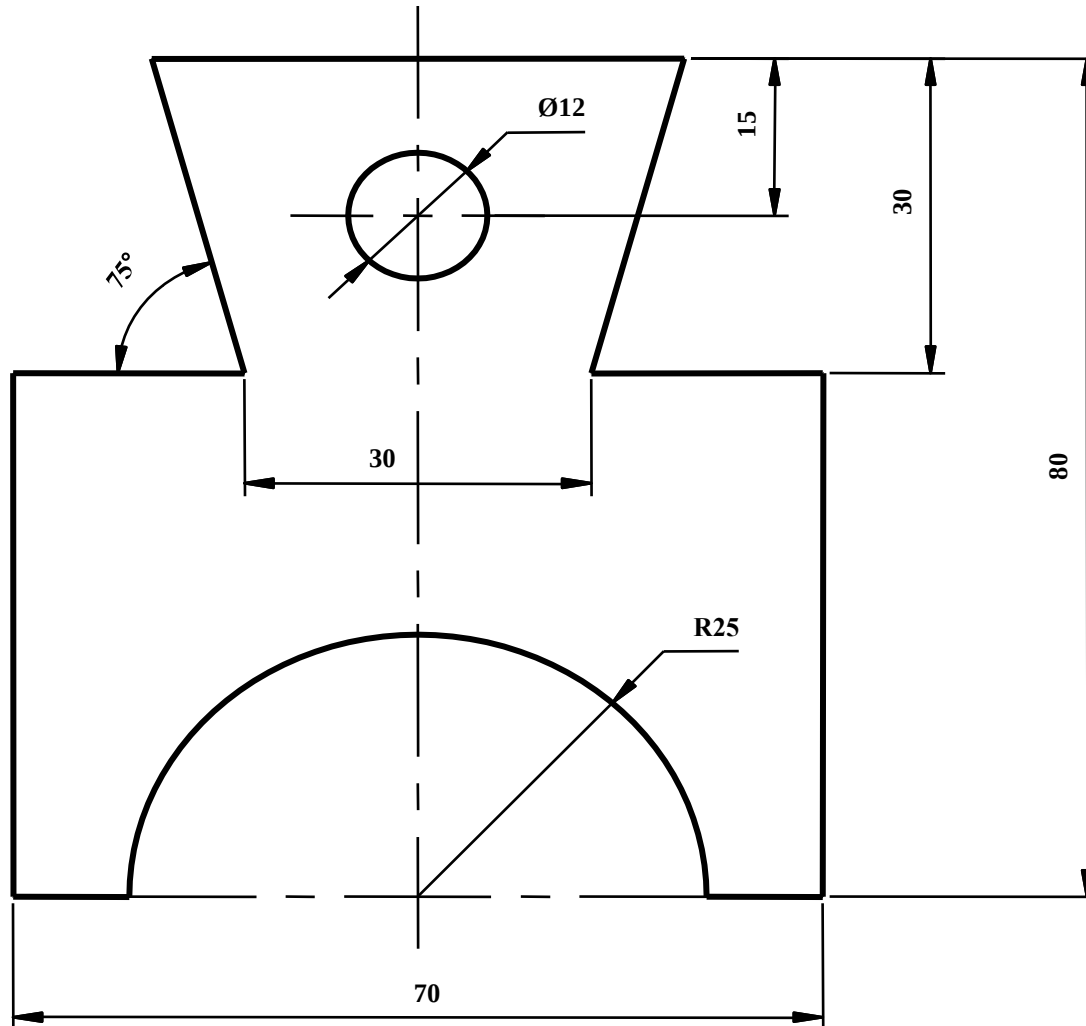
TCVN 7205:2003 QUY ĐỊNH.

- Vẽ bằng nét liền mảnh, song song phần tử ghi kích thước.
- Ở 2 đầu mút đường kích thước có vẽ mũi tên.



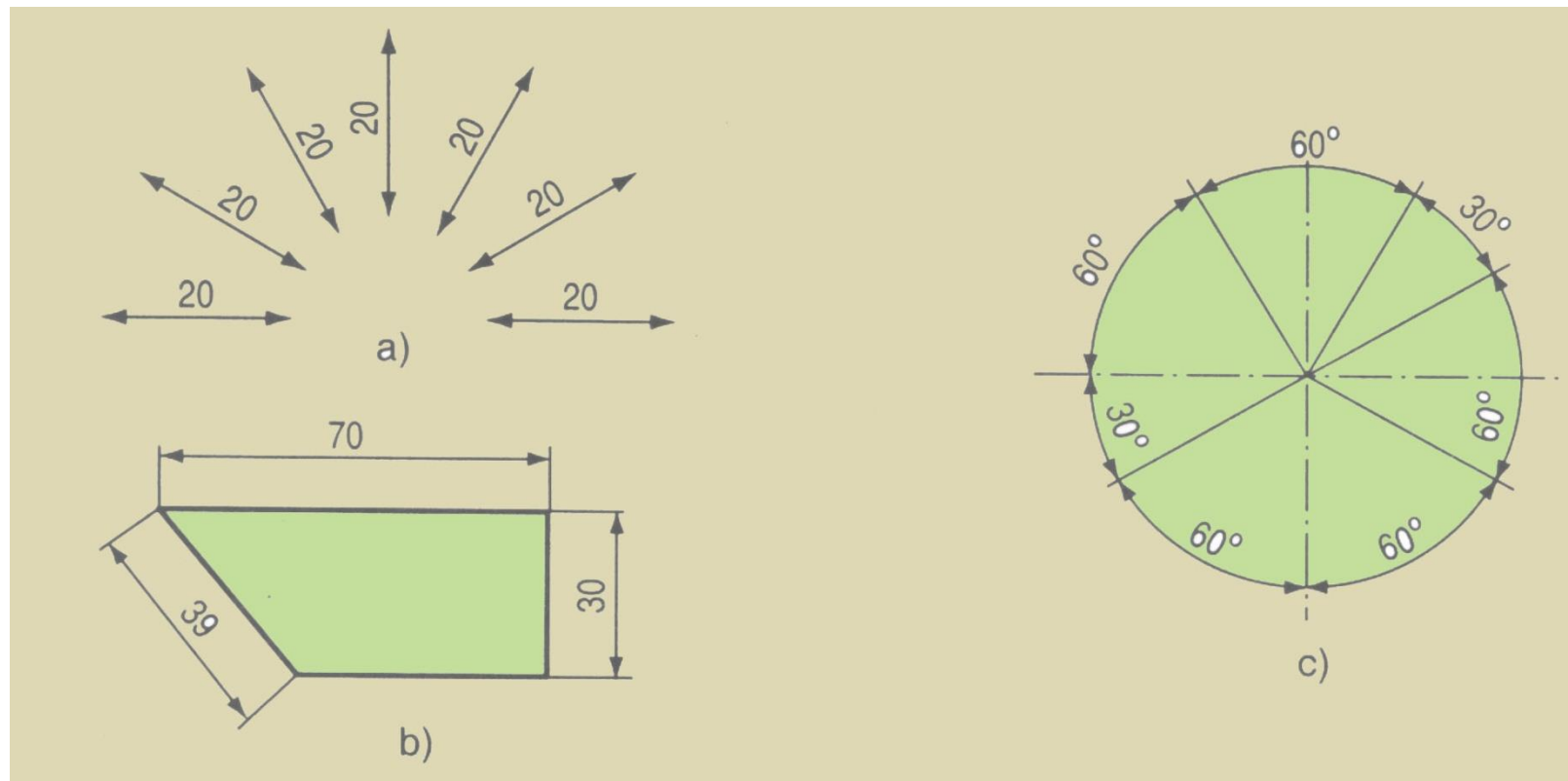
2. Đường gióng kích thước:

- Vẽ bằng nét liền mảnh, thường được kẻ vuông góc với đường kích thước.
- Vượt quá đường kích thước 2 mm



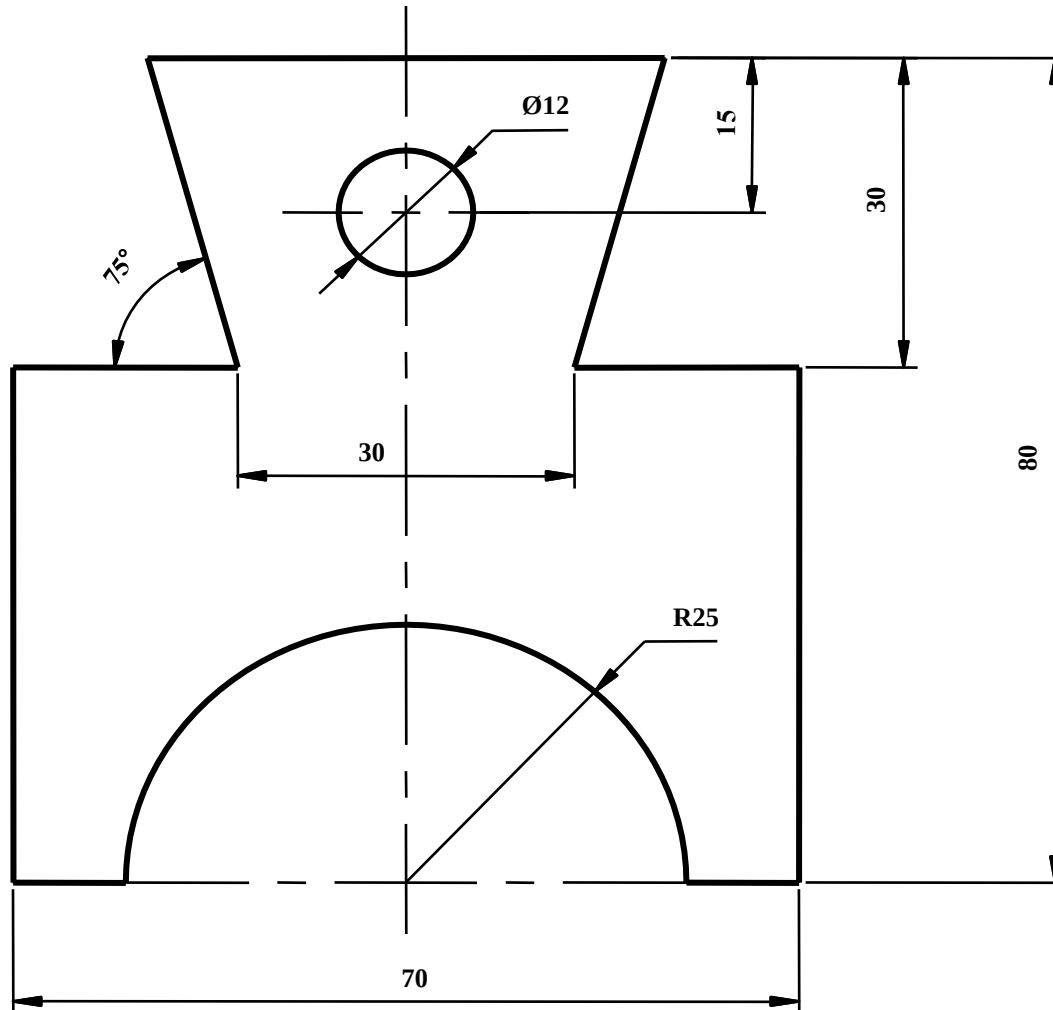
3. Chữ số kích thước:

- Chữ số kích thước chỉ trị số kích thước thực, không phụ thuộc vào tỉ lệ bản vẽ.
- Kích thước độ dài dùng đơn vị là mm.
- Kích thước góc dùng đơn vị đo là độ, phút, giây.



4. Kí hiệu Ø, R:

Trước con số kích thước đường kính của đường tròn ghi kí hiệu **Ø** và bán kính của cung tròn ghi kí hiệu **R**.



CÙNG CỐ:

Nhận xét một số kích thước ghi ở hình 1.8, cách ghi nào sai ?

